

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Phú
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 236/2022/TLST-DS ngày 14/10/2020 về việc: “Tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Ngô Mỹ V, sinh năm: 1956
Địa chỉ: số x đường Đ, phường H, thành phố Đ, tỉnh L.
2. Bà Ngô Tuyết V, sinh năm: 1964
Địa chỉ: số y đường N, phường C, thành phố Đ, tỉnh L.
- 3 Bà Ngô Kiều V, sinh năm: 1967
Địa chỉ: số C đường Đ, phường h, thành phố Đ, tỉnh L.
4. Bà Ngô Yến V, sinh năm: 1971
Địa chỉ: số Z đường N, phường d, thành phố Đ, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn bà Ngô Mỹ V, bà Ngô Tuyết V, bà Ngô Kiều V, bà Ngô Yến V: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1970, địa chỉ: số S đường N, phường k, thành phố Đ, tỉnh L (Văn bản ủy quyền ngày 29/10/2020).

Bị đơn:

1 Ông Ngô Triệu A, sinh năm: 1953

Địa chỉ: số Đ đường Đ, phường h, thành phố Đ, tỉnh L.

2 Bà Ngô Tú V, sinh năm: 1958

Địa chỉ: số Đ đường Đ, phường h, thành phố Đ, tỉnh L.

3 Ông Ngô Văn A, sinh năm: 1960

Địa chỉ: số Đ đường Đ, phường h, thành phố Đ, tỉnh L.

4 Bà Ngô Kim V, sinh ngày: 21/01/1962

Địa chỉ: số Đ đường Đ, phường h, thành phố Đ, tỉnh L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đào Thị T, sinh năm: 1969

Địa chỉ: số Đ đường Đ, phường h, thành phố Đ, tỉnh L.

2. Chị Ngô Khả L, sinh năm: 2000

Địa chỉ: số Đ đường Đ, phường h, thành phố Đ, tỉnh L.

3. Anh Ngô Quốc H, sinh năm: 2003

Địa chỉ: số Đ đường Đ, phường h, thành phố Đ, tỉnh L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Ngô Triệu A, bà Ngô Tú V, ông Ngô Văn A, bà Ngô Kim V được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 267,78m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa A, tờ bản đồ số B tọa lạc tại số Đ đường Đ, phường h, thành phố Đ, tỉnh L theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201040360 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 11/9/2002.

Ông Ngô Triệu A, bà Ngô Tú V, ông Ngô Văn A, bà Ngô Kim V có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Ngô Mỹ V, bà Ngô Tuyết V, bà Ngô Kiều V, bà Ngô Yên V mỗi người 1.811.614.000đ (một tỷ tám trăm mười một triệu sáu trăm mười bốn ngàn đồng).

Ông Ngô Triệu A, bà Ngô Tú V, ông Ngô Văn A, bà Ngô Kim V có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Ngô Mỹ V, ông Ngô Triệu A, bà Ngô Tú V, ông Ngô Văn A, bà Ngô Kim V theo qui định của pháp luật.

Bà Ngô Tuyết V phải chịu 66.348.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng

được trừ vào số tiền 6.250.000đ theo biên lai thu số 0003160 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Bà Ngô Tuyết V còn phải nộp số tiền 60.098.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ngô Kiều V phải chịu 66.348.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 6.250.000đ theo biên lai thu số 0003159 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Bà Ngô Kiều V còn phải nộp số tiền 60.098.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ngô Yến V phải chịu 66.348.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 6.250.000đ theo biên lai thu số 0003158 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Bà Ngô Yến V còn phải nộp số tiền 60.098.000đ án phí dân sự sơ thẩm

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Thanh Thủy